

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA VIỆT NAM

TỪ ĐIỂN
BÁCH KHOA
VIỆT NAM

4
T-Z



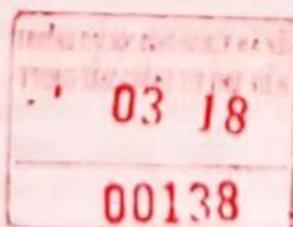
NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
HÀ NỘI - 2005

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA CHỈ ĐẠO BIÊN SOAN TỪ DIỄN BÁCH KHOA VIỆT NAM

TỪ DIỄN
BÁCH KHOA
VIỆT NAM

4

T-Z



NHÀ XUẤT BẢN TỪ DIỄN BÁCH KHOA
HÀ NỘI - 2005

LỜI NÓI ĐẦU

Từ điển bách khoa và bách khoa thư là loại sách giới thiệu tri thức của các ngành văn hoá, khoa học, kĩ thuật dựa vào các công trình đã được nghiên cứu, tổng kết, đánh giá. Từ điển bách khoa và bách khoa thư phản ánh trình độ phát triển văn hoá, khoa học của dân tộc và thế giới trong từng thời kì lịch sử; là loại sách có tác dụng **nâng cao trình độ văn hoá, khoa học, kĩ thuật cho mọi người**, sách để tra cứu, học tập, giảng dạy. Các nước văn minh trên thế giới đều đã có những bộ từ điển bách khoa và bách khoa thư lớn.

Ở Việt Nam, việc biên soạn từ điển bách khoa là một nhu cầu bức thiết. Qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, Việt Nam là một nước văn hiến. Suốt lịch sử lâu dài, dân tộc ta đã sáng tạo ra nền văn hoá, văn minh với bản sắc riêng của mình. Những giá trị văn hoá và tinh thần to lớn và quý báu của dân tộc cần được tổng hợp biên soạn thành các sách bách khoa để phổ biến cho nhân dân ta và giới thiệu với nhân dân thế giới. Đồng thời cần tiếp nhận tri thức của nhân loại để vận dụng vào công cuộc xây dựng đất nước. Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, đất nước thống nhất, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ xúc tiến việc biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (Nghị quyết số 37 NQ/TU ngày 20.4.1981). Năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định thành lập Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (số 112/1998/QĐ-TTg) thay cho Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam thành lập theo Quyết định số 163/CT ngày 15.5.1987, để giúp thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nội dung biên soạn và xuất bản các loại bách khoa thư và từ điển bách khoa.

"**Từ điển bách khoa Việt Nam**" được biên soạn lần đầu tiên ở Việt Nam là **bộ từ điển bách khoa tổng hợp nhiều chuyên ngành, cỡ trung bình, có tính chất thông dụng**, dùng cho đông đảo bạn đọc, chủ yếu cho những người có trình độ trung học trở lên. Từ điển có **mục đích giới thiệu những tri thức cơ bản nhất về đất nước con người, lịch sử xã hội, văn hoá, khoa học, công nghệ Việt Nam xưa và nay; giới thiệu những tri thức văn hoá, khoa học, kĩ thuật của thế giới**, chú ý những tri thức cần cho độc giả Việt Nam. Những tri thức đó góp phần tích cực phục vụ sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Phương châm biên soạn "**Từ điển bách khoa Việt Nam**" là **khoa học, cơ bản, hiện đại, dân tộc**. Các tri thức được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, bằng ngôn ngữ trong sáng.

Bộ "**Từ điển bách khoa Việt Nam**" gồm 4 tập, bao gồm khoảng 4 vạn mục từ thuộc **40** chuyên ngành văn hoá, khoa học, kĩ thuật của Việt Nam và thế giới. Mỗi tập khoảng trên dưới **một vạn mục từ**.

Nhận thức được trách nhiệm lớn lao trước yêu cầu quan trọng của sự nghiệp xây dựng đất nước, giới trí thức Việt Nam thuộc nhiều thế hệ với lực lượng trên 1200 nhà khoa học đã nhiệt tình tham gia biên soạn từ điển bách khoa, vượt qua nhiều khó khăn hạn chế về điều kiện vật chất và kĩ thuật, về chuyên môn nghiệp vụ để đem tri thức đã tích lũy được đóng góp vào sự nghiệp chung. Tập 1, tập 2 và tập 3 đã được xuất bản vào những năm 1995, 2002 và 2003, tuy còn những thiếu sót cần được bổ sung, đính chính trong lần tái bản, nhưng cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đông đảo bạn đọc.

Sau gần hai năm kể từ khi xuất bản tập 5, Ban Biên soạn và Nhà xuất bản Tự điển bách khoa dùnsg sự chỉ đạo của Hội đồng đã có nhiều cố gắng để hoàn thành biên soạn và xuất bản tập 6, tiếp nối công việc bộ Tự điển bách khoa Việt Nam.

Trong quá trình biên soạn, một số nhà khoa học đã qua đời, một số khác vì sức khỏe, vì thuyền chuyển công tác không có điều kiện tiếp tục tham gia, một số trường hợp phải bổ sung, thay đổi nhân sự. Trên trong sự luân chuyển đó quả lao động, sự đóng góp của các nhà khoa học, chúng tôi gửi ngay lập danh sách thành viên Hội đồng, Ban Biên soạn, trưởng ban, thay đổi chúng tôi gửi rõ thời gian tham gia của từng người.

"Tự điển bách khoa Việt Nam" có thể coi là một công trình văn hóa khoa học lớn của Việt Nam hiện nay. Thành công này gắn liền với sự quan tâm của Bộ Chính trị, với công lao đặt nền móng đầu tiên của cố chủ tịch Hồ Chí Minh Phạm Văn Đồng, sự chỉ đạo của Chính phủ, sự đóng góp nhiệt tình của các cơ quan, các tổ chức và các nhà khoa học hoạt động trong các ngành, các lĩnh vực khác nhau.

Nhân dịp hoàn thành công trình này, Ban Biên soạn **"Tự điển bách khoa Việt Nam"** bày tỏ lời cảm ơn sự giúp đỡ của Nhà xuất bản Đại Bách khoa toàn thư Nga, Nhà xuất bản Đại Bách khoa toàn thư Trung Quốc, Nhà xuất bản Larousse (Larousse, Pháp) và bạn bè quốc tế.

"Tự điển bách khoa Việt Nam" có vinh dự là đứa con đầu lòng của nền bách khoa thư hiện đại Việt Nam, nhưng cũng vì là công trình đầu tiên trên lĩnh vực này nên công việc biên soạn gặp không ít khó khăn về mặt khách quan và chủ quan. Đây là bộ từ điển bách khoa của nhiều chuyên ngành biên soạn khi các chuyên ngành hầu như chưa có từ điển hay bách khoa thư chuyên ngành. Các thuật ngữ khoa học do các chuyên ngành sử dụng cũng chưa có sự thống nhất và chuẩn hoá mang tính quốc gia. Ban biên soạn và các nhà khoa học tham gia với nhiệt tình và trách nhiệm cao, nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm về tổ chức và biên soạn bách khoa thư hiện đại, một nền khoa học mới hình thành ở Việt Nam. Về mặt tổ chức và chỉ đạo, Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, chủ yếu là Ban Thường trực Hội đồng và Ban Biên soạn cũng có những thiếu sót và hạn chế.

Do những khó khăn và hạn chế trên, **"Tự điển bách khoa Việt Nam"** không tránh khỏi những sai sót. Ban Biên soạn rất mong được sự thông cảm và đóng góp ý kiến của bạn đọc để khắc phục và nâng cao dân chất lượng trong những lần tái bản.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2005

Ban Biên soạn **"Tự điển bách khoa Việt Nam"**

Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn

Từ điển bách khoa Việt Nam

BẢNG CHỈ DẪN

I. CÁCH TRA CỨU TỪ DIỄN

1. Các đầu mục từ (tên gọi mục từ) chữ *yếu sấp xếp theo thứ tự thuộc* các thành tố cấu tạo đầu mục từ, phù hợp với đặc điểm ngữ pháp tiếng Việt. Tra cứu mục từ dựa theo thứ tự bảng chữ cái, văn và thanh tiếng Việt của thành tố đầu tiên tạo nên đầu mục từ. Ví dụ: TÀI NGUYÊN, TÀI NGUYÊN BIỂN, ỦY NHIỆM, ỦY NHIỆM CHI... Ý THÚC, Ý THÚC CÁ NHÂN, Ý THÚC PHÁP LUẬT, vv.

2. Các đầu mục từ về công thức, định lí, định luật, phương trình... thuộc khoa học tự nhiên gắn với tên các nhà khoa học được giới thiệu trong từ điển thì tra cứu theo chữ cái thành tố đảo tiếp sau mục từ mang tên nhà khoa học đó. Ví dụ: TAYLO B. nhà toán học, TAYLO (CHUỐI), TAYLO (CÔNG THÚC)..., VAN ĐỀ VAN I. D. nhà vật lý học, VAN ĐỀ VAN (BÁN KÍNH), VAN ĐỀ VAN (PHƯƠNG TRÌNH).

3. Các cụm từ chỉ địa danh như biển, sông, hồ, vũng, vịnh, đảo, huyện, tỉnh, thành phố, quốc gia... tra cứu phần tên gọi, còn từ chỉ loại hình địa danh được chuyển vào phần nội dung, ví dụ: TIỀN YÊN sông, TIỀN YÊN huyện, TRUNG QUỐC quốc gia, XAMOA quần đảo, vv.; trừ một số trường hợp đặc biệt khi từ chỉ loại hình là một thành phần gắn liền với tên gọi thì địa danh đó được viết theo kiểu trật tự đảo, ví dụ: PANAMA (KÊNH ĐÀO), PARI (BỒN ĐỊA), SÀI GÒN (SÔNG), vv.

Trường hợp địa danh là một từ đơn tiết cùng với danh từ chung chỉ loại hình đi kèm trước nó tạo thành một chỉnh thể thì tra cứu theo loại hình địa danh. Ví dụ: BIỂN ĐÔNG, HỒ TÂY, SÔNG CÁI, vv.

4. Các danh từ loại thể hoặc các từ lâm thời giữ vai trò đó như *cây, con, cái, sự, cuộc*... thì có thể lược bỏ.

Ví dụ: (*cái*) BẤY, (*cuộc*) CHIẾN TRANH, (*cây*) CHUỐI, (*con*) GÀ, vv.

5. Tên riêng tra cứu theo họ. Ví dụ: NGUYỄN DU tra cứu ở văn N.

II. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP VIẾT TẮT

1. Viết tắt một số ngôn ngữ khi cần chú thích nguồn gốc của từ:

A.	=	Anh	L.	=	Italia
BDN.	=	Bồ Đào Nha	L.	=	Latinh
D.	=	Đức	N.	=	Nga
H.	=	Hán	Ph.	=	Pháp
HL.	=	Hi Lạp	TBN.	=	Tây Ban Nha

2. Viết rút gọn và ghi các ngành chuyên môn giữa hai ngoặc đơn khi cần thiết:

chính trị	chính trị học	ngôn ngữ	ngôn ngữ học
cơ	cơ học	nhạc	âm nhạc
dân tộc	dân tộc học	nông	nông nghiệp
địa chất	địa chất học	sinh	sinh học
địa lí	địa lí học	sử	sử học
giáo dục	giáo dục học	tin	tin học
hoá	hoá học	tôđn	toán học
khoa cổ	khoa cổ học	triết	triết học
h	vật lí học	văn	văn học
luật	luật học	y	y học

Các chuyển ngữ khác với đây là: Ví dụ: tên thành phố: Thành Phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.

3. Vết từ trong tên số trường hợp khác

vợ	–	đàn gáy, công gáy
nhà	–	núi nhà
nhà	–	núi nhà
Kỳ	–	sau Công nguyên
Kỳ	–	trước Công nguyên
th	–	thịt khỉ
x., X	–	xóm, Xóm
xó., Xó	–	xóm xóm, Xóm xóm

4. Vết từ đầu mục từ trong tên đang giải thích mục từ

Ví dụ:	CHỦ NGHĨA DUY VẬT	– CNDV;
	LIÊN HỘP QUỐC	– LHQ.

Chú ý: Không viết tên tên người trong tên đang giải thích mục từ

Ví dụ:	LÊNIN V. I.	– không viết L.
	NGUYỄN TRÃI	– không viết NT.

III. CHÍNH TÀ, PHIÊN CHUYỂN TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Chính tả, phiên chuyển tiếng nước ngoài dựa theo "Thể lệ biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam" có bổ sung, chỉnh lý (Do Ban Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam và Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam ban hành).

1. Chính tả

1.1. Bổ sung các con chữ F, J, Z, W để phiên chuyển tên riêng và thuật ngữ có gốc nước ngoài. Vì vậy bảng chữ cái dùng trong từ điển này gồm các chữ cái xếp theo thứ tự:

A, Ā, Á, B, C, D, D̄, E, (E), G, H, I, (I), K, L, M, N, O, Ō, Ó, P, Q, R, S, T, U, Ū, V, W, X, Y, (Z).

1.2. Trật tự các thanh: Không dấu, huyền (˘), hỏi (˚), ngã (˜), sắc (ˇ), nặng (ˇ). Dành dấu trên các âm chính của âm tiết (ví dụ: hōi, qūi, hō hoán, tūn, thū, tōn, thuȳ, thūȳ).

1.3. Dùng i thay y ở cuối âm tiết mở, trừ các âm tiết ay và các trường hợp sau qu hoặc y đứng một mình, ví dụ: hiết i, hi vọng, ý nghĩa. Tên riêng Việt Nam vẫn viết theo thói quen truyền thống; ví dụ: Lý Thường Kiệt, Lý Nhản, Lý Bí, Nam Kỳ, Bắc Kỳ, Trung Kỳ.

1.4. Viết hoa chữ đầu các âm tiết cấu tạo tên người, tên địa lý, kể cả những danh từ chung di kèm đã "tinctus" (trường hợp danh từ riêng chỉ có một âm tiết, hoặc là tên người). Ví dụ: Nguyễn Du, Tô Xương, Hà Nội, Hồ Tây, Sông Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

1.5. Tên chức vụ, học vị nói chung không viết hoa, trừ một số trường hợp đặc biệt (Trung nguyên, Định nguyên, Bằng nhẫn, vv.).

2. Phiên chuyển tiếng nước ngoài

2.1. Phiên chuyển tên riêng nước ngoài bằng các âm, sốm, âm tiết và chữ Việt dựa vào cách đọc của nguyên ngữ có thể biết được, chủ thích nguyên đang tên gốc đất giữa hai ngôn ngữ. Ví dụ: Oussoïtch (Washington), Paris (Paris).

2.2. Đối với ngôn ngữ không dùng bảng chữ cái Latinh (như tiếng Aztec, Nhật Bản, Ả Rập...) nếu chưa phiên được bằng cách đọc trực tiếp thì phiên qua ngôn ngữ trung gian hoặc qua dùng Latinh hóa.

2.3. Đối với tiếng Nga, bỏ qua trọng âm và không theo quy tắc nhuận hoá (có chủ thích chuyển tự dạng Latinh). Ví dụ: LÔMÔNÔXÔP M. V. (M. V. Lomonosov).

2.4. Đối với tiếng Hán, phiên theo âm Hán - Việt (có chủ thích chuyển tự dạng Latinh). Ví dụ: BẮC KINH (Beijing).

2.5. Các cặp chữ i và y; ph và f; j và g; c, q, k (biểu thị âm vị /k/) được dùng để phiên chuyển tên riêng và thuật ngữ vay mượn tiếng nước ngoài có con chữ tương ứng. Ví dụ: Flöbe (Ph. Flaubert), Philip (A. Philip), Casarini (Ph. Cachin), Kádár (Hungary: Kádár). Sử dụng các tổ hợp phụ âm đầu vẫn để phiên tiếng nước ngoài, ví dụ Druy়েং (Ph. Druon); giữ nguyên các phụ âm cuối vẫn, cuối từ của tiếng Việt.

2.6. Viết liền các âm tiết theo đơn vị từ và không đánh dấu thanh điệu của tiếng Việt (vì đã có chủ thích nguyên dạng hoặc qua dạng Latinh hoá), trừ một số trường hợp đã quen dùng, ví dụ: Lú-i (Louï).

2.7. Ngoại lệ: Một số trường hợp đã phiên âm trước đây và đã quen dùng vẫn giữ nguyên (Niu Zihua, Ailen, Aixlen, Décac, Arxiolt, Dacuy, Môza, Anh, Pháp, vv.).

2.8. Tên các xã, phường, huyện, quận, thị trấn, tỉnh,... ở Tây Nguyên ghi theo cách đọc của tiếng Việt (ngôn ngữ quốc gia), đồng thời có chủ thích theo "Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam" của Tổng cục Thống kê ban hành năm 2001.

2.9. Thuật ngữ vay mượn tiếng nước ngoài cũng phiên chuyển theo các nguyên tắc trên. Vẫn để chuẩn thuật ngữ (cũng như chuẩn chính tả và phiên chuyển tiếng nước ngoài) hiện chưa có sự thống nhất chung. Bởi vậy việc viết các thuật ngữ trong từ điển này chủ yếu theo đề nghị của các Ban biên soạn chuyên ngành (ví dụ: ampe, ác quy, àmpun, xi lanh, culông, curi, vacxin...); thuật ngữ hoá học tạm thời theo Ban Biên soạn Hoá học (ví dụ: oxi, hidro, metyl, glucozơ, lipaza). Tên thuốc tạm thời để nguyên dạng theo tiếng Anh, tiếng Pháp... (A. Ph. sulfadiazine, morphine, A. ampicillin, Ph. ampicilline).

IV. SỐ LIỆU - BẢN ĐỒ - MINH HOA

Số liệu về diện tích và số dân các quận, huyện, tỉnh, thành phố Việt Nam theo tài liệu của Tổng cục Thống kê ban hành năm 2003. Số liệu về diện tích và số dân của các nước trên thế giới, chủ yếu dựa vào bách khoa thư và từ điển bách khoa của Nga, Pháp, Anh, Hoa Kì, Trung Quốc và các nước khác xuất bản những năm 1996 - 2003, và tư liệu do một số đại sứ quán nước ngoài ở Hà Nội cung cấp.

Bản đồ các tỉnh thành trong nước, bản đồ các quốc gia và vùng lãnh thổ của các nước trên thế giới theo tài liệu của Nhà xuất bản Bản đồ (Tổng cục Bản đồ Địa chính).

Nguồn hình minh họa do các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước giúp đỡ.

V. CHUYỂN CHÚ

Trong từ điển này có dùng chuyển chú trong một số trường hợp sau:

1. Đầu mục từ có hai, ba từ đồng nghĩa.

Ví dụ: **THUỐC HIỆN ÁNH** (cg. thuốc hiện hình), x. *Thuốc hiện hình*.

TÍ SUẤT TĂNG DÂN SỐ (cg. tỉ lệ tăng dân số, tỉ lệ phát triển dân số)

TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ, x. *Tỉ suất tăng dân số*.

2. Tên viết tắt từ tiếng nước ngoài của các tổ chức quốc tế được chuyển chú đến xem nội dung ở mục từ - tên đầy đủ bằng tiếng Việt.

Ví dụ: **WTO** (A. World Trade Organization), x. *Tổ chức Thương mại Thế giới*.

3. Đầu mục từ chỉ các nền văn hoá xếp theo trật tự đảo.

Ví dụ: **ÓC EO (VĂN HOÁ)**, x. *Văn hóa Óc Eo*.

PHÙNG NGUYÊN (VĂN HOÁ), x. *Văn hóa Phùng Nguyên*.

4. Dùng chuyển chú trong nội dung để tránh trùng lặp nội dung và hệ thống hoá kiến thức (từ chuyển chú được in nghiêng, đậm; trước từ chuyển chú thường có các từ x., X. hoặc xi., XI.).

Cuối tập sách có in 2 bảng đối chiếu tên riêng Việt - Hán và Việt - Nga; bảng mục từ có đánh số trang để giúp bạn đọc dễ tra cứu và đối chiếu nguyên ngữ.